

Số: 173/BC-BQLKKT

Kon Tum, ngày 16 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình 29-CTr/TU ngày 04-5-2012 của Tỉnh ủy khóa XIV

Thực hiện văn bản số 1906/UBND-HTKT ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Kon Tum và Quyết định số 284/QĐ-TU ngày 01/8/2016 Giám sát việc thực hiện Chương trình 29-CTr/TU ngày 04-5-2012 của Tỉnh Ủy khóa XIV thực hiện NQTW 4 Khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 29-CTr/TU ngày 04-5-2012 của Tỉnh ủy từ năm 2012 đến 31/5/2016 như sau:

I. Đặc điểm tình hình.

Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum (sau đây viết tắt là BQLKKT) được giao quản lý nhà nước trực tiếp đối với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (KKTCK) diện tích theo quy hoạch 70.483 ha, các Khu công nghiệp (KCN) tổng diện tích theo Quy hoạch 430 ha và Cụm công nghiệp Đăk La, diện tích theo quy hoạch 73,78 ha.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND trong đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng các KCN, CCN và KKTCK trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, trước tình hình khó khăn của cả nước nói chung, địa phương nói riêng, tình hình đầu tư kết cấu hạ tầng các KCN, CCN và KKTCK còn hạn chế, chưa đạt được mục tiêu đề ra.

II. Kết quả thực hiện chương trình số 29-CTr/TU

1. Công tác quán triệt, nghiên cứu

Trên cơ sở mục tiêu nhiệm vụ của Chương trình số 29-CTr/TU, Đảng ủy BQLKKT đã lãnh đạo các chi bộ trực thuộc tổ chức quán triệt, phổ biến cho cán bộ, đảng viên, CCVC nắm bắt kịp thời nội dung, tinh thần của Chương trình, đồng thời lãnh đạo triển khai thực hiện thông qua việc cụ thể hóa vào công tác xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm về đầu tư phát triển KCN, CCN và KKTCK. Hằng năm thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh.

2. Kết quả thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng xây dựng, quản lý và thực hiện các quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng KCN, CCN, KKTCK

Trong quá trình lập các đồ án quy hoạch xây dựng KKTCK, KCN, CCN đều lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, ban ngành chức năng có liên quan, đảm bảo tuân thủ theo qui định. Thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp thực tế. Đảm bảo khai thác quỹ đất hợp lý để thu hút đầu tư phát triển KCN, KKTCK. Kết quả thực hiện công tác quy hoạch như sau:

- **KKTCK quốc tế Bờ Y (tổng diện tích 70.483 ha):** Sau khi Quy hoạch chung được phê duyệt, Ban quản lý đã lựa chọn đề xuất lập quy hoạch những nơi thuận lợi, có lợi thế, không quy hoạch tràn lan đến nay đã lập và hoàn thành phê duyệt 07 đồ án quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000, diện tích 5.494 ha (7,8% tổng diện tích KKTCK); 07 đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500, diện tích 2.188 ha (3,1% tổng diện tích KKTCK); 01 đồ án quy hoạch chung tỉ lệ 1/5000 KCN Bờ Y, diện tích 1.565 ha (2,2% tổng diện tích KKTCK) và đang hoàn chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000 KCN Bờ Y, diện tích 794 ha (Phụ lục 01 kèm theo).

Sau khi rà soát quy hoạch chung xây dựng KKT, thấy có nhiều điểm chưa phù hợp với Quy hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, các quy hoạch khác ở địa phương, một số chỉ tiêu khó thực hiện. Ban quản lý đã lập thủ tục đề nghị UBND tỉnh báo cáo Thủ tướng xin điều chỉnh và đã được Thủ tướng chính phủ đã chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng KKTCK¹. BQLKKT đang tiến hành triển khai các bước theo qui định để điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng KKTCK quốc tế Bờ Y cho phù hợp với tình hình thực tiễn theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh theo hướng dự kiến giảm qui mô diện tích KKTCK từ 70.438 ha xuống còn khoảng 15.000 ha⁽²⁾

Thường xuyên rà soát và xin điều chỉnh cục bộ các khu chức năng để đầu tư, sử dụng hạ tầng và quỹ đất hiệu quả⁽³⁾.

- **Khu Công nghiệp Hòa Bình** (Diện tích KCN 130 ha), đã phê duyệt Quy hoạch chi tiết 130 ha trong đó giai đoạn I (59,22 ha) đã lập dự án đầu tư hạ tầng và đã lấp đầy 100% diện tích; Trong quá trình thực hiện, Ban quản lý đã xin điều chỉnh cục bộ một số lô đất để bố trí cho nhà đầu tư theo nhu cầu và phát huy hiệu quả lô đất; giai đoạn II: 70 ha, BQLKKT đang lập thủ tục đề nghị chuyển sang vị trí mới (P. Ngô Mây, TP Kon Tum) để đầu tư hiệu quả hơn (đã trình đề án)⁽⁴⁾, hiện đang trình quy hoạch chi tiết. (vị trí cũ khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, nguồn nước từ Đập Đăk Yên do biến đổi khí hậu nên không còn khả năng cung cấp nước cho KCN).

- **KCN sao Mai (150 ha):** đã phê duyệt quy hoạch chi tiết 150 ha. Trong đó giai đoạn I: 79,41 ha đã lập dự án đầu tư, nhưng mới thực hiện đền bù, chưa xây dựng hạ tầng. Để sử dụng hiệu quả hơn, Ban Quản lý Khu kinh tế đã bàn giao toàn bộ quỹ đất (đã bồi thường giải phóng mặt bằng, diện tích 88,885 ha) và hồ sơ Quy hoạch chi tiết cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh theo chỉ đạo của Tỉnh⁽⁵⁾. Tạm dừng triển khai thực hiện dự án. Ban quản lý đang lập thủ tục xin chuyển KCN này lên xã Tân Cảnh, huyện Đăk Tô (đã trình đề án)⁶.

- **KCN Đăk Tô (150 ha):** Toàn bộ diện tích đất được giao cho Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai để xây dựng nhà máy bột giấy và giấy⁽⁷⁾. Nay Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai xin điều chỉnh giảm qui mô dự án nhà máy bột giấy và giấy, đồng thời lập thủ tục xin đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN toàn bộ quỹ đất này.

⁽¹⁾ Văn bản 8857/VPCP-KTN, ngày 13/12/2011 của Văn phòng Chính phủ.

⁽²⁾ Thông báo 750-TB/TU ngày 9/10/2014 của tỉnh ủy; Văn bản số 2728/UBND-KTTH ngày 21/10/2014 của UBND tỉnh; Văn bản số 443/UBND-KTN ngày 07/02/2016 của UBND tỉnh

⁽³⁾ Khu I: chuyển chức năng một số lô đất

⁽⁴⁾ Công văn 325 /BQLKKT-QHXD ngày 6/7/2016

⁽⁵⁾ Văn bản số 1089/UBND-KTTH, ngày 08/5/2014 của UBND tỉnh.

⁽⁶⁾ Công văn 325 /BQLKKT-QHXD ngày 6/7/2016

⁽⁷⁾ Theo ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Công văn số 10/TTg-KTN ngày 02 tháng 01 năm 2009 và Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 48/TB-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2009.

- **CCN Đăk La (101,22 ha):** Xét thấy diện tích 23,44 ha đầu tư không hiệu quả (*suất đầu tư lớn, diện tích sử dụng cho thuê hạn chế*). Ban quản lý đề xuất và đã được UBND tỉnh thống nhất điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng CCN Đăk La với qui mô giảm từ 101,22 ha xuống còn 73,78 ha⁽⁸⁾. Chuyển 23,44 ha cho địa phương quản lý, sử dụng.

Trong công tác quản lý quy hoạch, luôn hội hợp chặt chẽ với các sở chuyên ngành, chính quyền địa phương sở tại; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch xây dựng; thu hồi, chấm dứt hoạt động đối với các dự án đầu tư không thực hiện đúng các qui định của pháp luật về đầu tư theo qui định.

3. Kết quả huy động các nguồn lực để phát triển KCN, CCN, KKTCK.

3.1. Về công tác huy động vốn đầu tư từ năm 2012 đến 31/5/2016.

3.1.1. Vốn đầu tư từ NSNN:

a) KCN Hòa Bình:

- *Giai đoạn I:* Dự án đầu tư hạ tầng có tổng mức đầu tư 64,362 tỷ đồng. Tính đến kế hoạch 2016 vốn đã bố trí là 50,866 tỷ đồng, trong đó giai đoạn: 2012 – 2016 là 31,7 tỷ đồng (Ngân sách TW: 29,8 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh: 1,856 tỷ đồng).

- *Giai đoạn II:* Dự án có tổng mức đầu tư là 207,2 tỷ đồng. Vốn đã bố trí đến 2016 là 15,2 tỷ đồng (NSTW): trong đó giai đoạn 2012 – 2016 là 15,2 tỷ đồng (*công tác đền bù, GPMB*). Đang lập thủ tục đề chi trả.

Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, dự kiến NSTW hỗ trợ thêm cho dự án hạ tầng KCN tối đa 98 tỷ đồng⁽⁹⁾

b) KCN Sao Mai:

Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Sao Mai có tổng mức đầu tư: 111, 533 tỷ đồng⁽¹⁰⁾

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện, đã được quyết toán đến năm 2008: 20.004.397.200 đồng (*cho đền bù, giải phóng mặt bằng và một số công việc tư vấn bước chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị thực hiện đầu tư*), bao gồm NSTW 18.838.688.200 đồng và NS tỉnh 1.165.709.000 đồng

c) CCN Đăk La: Dự án đầu tư hạ tầng CCN có tổng mức đầu tư là 112 tỷ đồng. Tính đến 2016, vốn nhà nước đã bố trí cho CCN là 10,766 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2012 – 2016 là 6 tỷ đồng (NSTW: 6 tỷ; ngân sách địa phương 4,766 tỷ). Đã giải ngân 100%. Hiện nay đang nợ nhà thầu lập dự án đầu tư: 532,842 triệu

d) Khu kinh tế cửa khẩu:

- Vốn NSNN đã bố trí đến 2016 là: 1.502,69 tỷ đồng (*giai đoạn 2012 – 2016 là 341,445 tỷ đồng; (NSTW: 303,739 tỷ đồng, NS tỉnh: 37,706 tỷ đồng)*). Trong đó: ứng trước ngân sách Trung ương chưa hoàn ứng là 604,658 triệu đồng (*gồm 02 dự án: Đường NT18 là 387,284 triệu đồng và Đường N5 là 217,374 triệu đồng*)

⁽⁸⁾ Quyết định 552/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 về phê duyệt điều chỉnh cục bộ CCN Đăk La.

⁽⁹⁾ Văn bản 1064/BKHĐT-QLKKT ngày 23/2/2016 của Bộ KHĐT về thẩm định nguồn vốn và phân bổ vốn NSTW.

⁽¹⁰⁾ Quyết định số 533/QĐ-UB ngày 12/5/2005 và được điều chỉnh vốn, nguồn vốn tại Quyết định số 1208/QĐ-UB, ngày 19/10/2005 của UBND tỉnh Kon Tum

- Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 dự kiến 341 tỷ đồng, nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép triển khai do còn các khoản nợ đọng chưa được giải quyết⁽¹¹⁾. (Có phụ biểu 02 kèm theo).

3.1.2. Vốn huy động khác.

- *Tại KKTCK*: Ngoài nguồn vốn đầu tư từ NSNN (gồm cả vốn từ đầu giá QSD đất), việc huy động các nguồn vốn khác rất khó khăn. Giai đoạn 2012 - 2016 có 02 dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng (02 Dự án Kho ngoại quan do Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai chưa triển khai và công ty TNHH Nhân Thành 10B đầu tư, với tổng vốn đầu tư đăng ký 14,93 tỷ đồng, vốn đã thực hiện 14,1 tỷ đồng).

Ngoài ra Ban quản lý đã xã hội hóa, các doanh nghiệp tham gia một số cơ sở hạ tầng: tu sửa trực chính khu I: khoảng 2 tỷ đồng; bảng quảng cáo điện tử 1,7 tỷ đồng

- KCN Đắk Tô: Dự kiến vốn đầu tư hạ tầng do Công ty Tân Mai thực hiện (Công ty đang làm thủ tục)

3.2. Kết quả đạt được trên một số lĩnh vực cụ thể

3.2.1. Kết quả về đầu tư hạ tầng KCN, CCN, KKTCK:

- **Hạ tầng KCN Hòa Bình**: Giai đoạn I (59,22 ha) đã được đầu tư cơ bản hoàn thiện, đồng bộ hạ tầng bên trong KCN đảm bảo tối thiểu cho hoạt động của các doanh nghiệp, đã lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp cho thuê; hiện nay đang triển khai đầu tư hạng mục đường vào KCN, dự kiến hoàn thành trong năm 2016. Giai đoạn II đang lập thủ tục điều chỉnh quy hoạch tại vị trí mới để tiếp tục đầu tư hạ tầng thu hút đầu tư dự kiến triển khai đền bù 2016, đầu tư công trình từ 2017.

- **KCN Đắk Tô**: Theo báo cáo của Công ty Tân Mai, diện tích đất đã thực hiện đầu tư dự án là 57,76 ha, gồm các hạng mục: Rà phá bom mìn, san lấp mặt bằng, hệ thống điện... và một số hạng mục còn dở dang như: Nhà văn phòng, hệ thống thoát nước mặt, kho bãi, tường rào, một tuyến giao thông nội bộ, tỷ lệ hoàn thành khoảng 50% công trình, vốn đầu tư thực hiện 519 tỷ đồng/2.938 tỷ đồng vốn đăng ký. Các hạng mục đầu tư chính của dự án như: nhà máy, thiết bị chưa đầu tư và hiện nay vẫn chưa được tiếp tục đầu tư. Công ty Tân Mai đang lập thủ tục để xin đầu tư hạ tầng KCN này⁽¹²⁾

- **CCN Đắk La**: Đã đầu tư một số tuyến đường giao thông nội bộ. Công ty hạ tầng KKT làm chủ đầu tư không có khả năng huy động vốn. Tỉnh đã đồng ý chủ trương kêu gọi đầu tư theo hình thức PPP.

- **Khu kinh tế cửa khẩu**: Từ khi thành lập đến nay (31/5/2016) đã triển khai công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư 43 dự án đầu tư cơ sở hạ tầng KKTCK với TMĐT 4.758,6 tỷ đồng. Tổng giá trị khối lượng đã thực hiện 1.530 tỷ đồng. Trong đó nợ XDCB đến 31/5/2016 là: 31,707 tỷ đồng⁽¹³⁾. Hiện nay, BQLKKT đang tập trung đầu tư và kêu gọi đầu tư hoàn thiện hạ tầng Khu I – Khu Trung tâm KKTCK quốc tế Bờ Y⁽¹⁴⁾ với mục tiêu nhằm phát triển thương mại dịch vụ cửa khẩu. (có phụ biểu số 03 kèm theo).

⁽¹¹⁾ Văn bản số 9697/BKHĐT-KTĐV ngày 30/10/2015 của Bộ KHĐT về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án đầu tư cơ sở hạ tầng KKTCK quốc tế Bờ Y;

⁽¹²⁾ Công văn 383/BQLKKT-QHXD ngày 9/8/2016

⁽¹³⁾ Báo cáo rà soát Nợ đọng số 378 ngày 05/8/2016 của BQLKKT

⁽¹⁴⁾ Dự án Quốc Môn cửa khẩu quốc tế Bờ Y (UBND tỉnh đã phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại QĐ số 277/QĐ-UBND ngày 29/3/2016). Dự án Đường D8 Khu I – KKTCK, v.v....

Cơ bản đáp ứng được nhu cầu đầu tư cho Nhà đầu tư tại Khu I và Khu II, các khu khác chưa được đầu tư nên còn khó khăn về hạ tầng.

3.2.2. Hoạt động thu hút đầu tư vào KCN, KKTCK:

a) Tại KCN Hòa Bình: Đến nay có 28 dự án đầu tư, vốn đăng ký 468,658 tỷ đồng; vốn thực hiện 255,441 tỷ đồng. Trong đó 21 dự án đang hoạt động; vốn đăng ký 364,7 tỷ đồng; vốn thực hiện 255,441 tỷ đồng; 07 dự án đang triển khai; vốn đăng ký 103,8 tỷ đồng. Diện tích đất sử dụng 47,93ha; lao động 1.244 người

b) Tại KKTCK: Đến nay có 54 dự án đầu tư, vốn đăng ký 1.459 tỷ đồng; vốn thực hiện 535,2 tỷ đồng. Trong đó 26 dự án đang hoạt động; vốn đăng ký 479,67 tỷ đồng; vốn thực hiện 468,88 tỷ đồng; 16 dự án đang triển khai; vốn đăng ký 869,74 tỷ đồng; vốn thực hiện 66,31 tỷ đồng; Đã giới thiệu đất 12 dự án, vốn đăng ký 109,2 tỷ đồng. Diện tích đất sử dụng 104,95 ha. (Có phụ biểu 04 kèm theo).

4. Đánh giá chung những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển KCN, CCN, KKTCK:

4.1 Ưu điểm:

- Hạ tầng KKT, KCN, CCN được quan tâm đầu tư; việc thực hiện đầu tư: đúng quy hoạch, đúng qui trình và các qui định;

- Các khu vực trọng điểm có lợi thế như: KCN Hòa Bình GD1; khu I, khu II thuộc KKTCK hạ tầng cơ bản đáp ứng các hoạt động cho nhà đầu tư; đã thu hút được các nhà đầu tư góp phần tạo việc làm cho người lao động, tăng thu ngân sách và thu nhập dân cư.

4.2: Khuyết điểm, tồn tại:

- Hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ, còn hạn chế, chưa đáp ứng được quy hoạch, kế hoạch;

- Nợ đọng XDCCB (cả nợ ứng trước và nợ khối lượng hoàn thành) chưa được giải quyết;

4.3 Nguyên nhân khuyết điểm, tồn tại:

- Quy hoạch phát triển KKTCK với nhiều mục tiêu lớn trong khi nguồn vốn đầu tư hỗ trợ từ NSTW và địa phương còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu⁽¹⁵⁾;

- Nguồn thu từ đấu giá đất trong KKT chưa đáp ứng được tỷ lệ đối ứng 40%/tổng mức đầu tư của dự án;

- Vốn đầu tư hạ tầng năm 2016 bị thu hoàn ứng và trả nợ; chưa được đầu tư mới;

- Chưa kêu gọi được Nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng KKT, KCN, CCN;

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỂ TIẾP TỤC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TỐT CHƯƠNG TRÌNH 29-CTr/TU

1. Giải pháp để tiếp tục thực hiện tốt Chương trình 29-CTr/TU

- Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch xây dựng, kế hoạch đầu tư công phù hợp với điều kiện, khả năng thực tế hiện nay;

⁽¹⁵⁾ Theo quy hoạch được duyệt, giai đoạn 2006 - 2015 đầu tư hoàn thành cơ bản hệ thống kết hạ tầng KKTCK, phục vụ cho 150.000 dân, trong đó dân cư đô thị 100.000 người; với tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2006 - 2015 là 79.479 tỷ đồng, trong đó nhu cầu vốn đầu tư từ NSNN cho hạ tầng kỹ thuật KKTCK là 28.333 tỷ đồng

- Thực hiện nghiêm túc Luật Đầu tư công, trong điều kiện nguồn vốn đầu tư công còn nhiều hạn chế. Lập danh mục đầu tư theo thứ tự ưu tiên để đầu tư trọng điểm;

- Tích cực huy động từ các nguồn vốn khác để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng KCN, CCN, KKTCK qua việc đề xuất thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng từ quỹ đất; rà soát, lựa chọn các danh mục dự án đầu tư thuộc các ngành, lĩnh vực có thể xã hội hóa để kêu gọi đầu tư từ các thành phần kinh tế khác ngoài ngân sách nhà nước và đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Tập trung thực hiện giải ngân hết kế hoạch vốn đầu tư phát triển được giao hằng năm.

2. Xây dựng kế hoạch hành động thực hiện gồm các nội dung sau:

2.1. Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y; Quy hoạch chi tiết xây dựng các KCN, khu chức năng trong KKTCK theo hướng khai thác các lợi thế, thuận lợi cho công tác thu hút đầu tư; xác định và phân định rõ các phân khu chức năng, tính chất và mục tiêu cụ thể phát triển của KKTCK quốc tế Bờ Y (*là Khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, gồm: công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị gắn với các cửa khẩu*); gắn mục tiêu xây dựng KKTCK quốc tế Bờ Y với mục tiêu xây dựng thị xã Ngọc Hồi, các KCN gắn với các địa phương có KCN;

2.2. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công; xác định rõ nguồn vốn các dự án cụ thể; Lựa chọn và Lập danh mục các dự án đầu tư có khả năng thu hồi vốn để kêu gọi đầu tư ngoài ngân sách;

2.3. Xác định các quỹ đất có khả năng tạo vốn, lập danh mục các dự án đầu tư từ quỹ đất để đầu tư hạ tầng. Đề xuất thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

2.4. Nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích, thu hút đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu như: Phí, lệ phí; tiền sử dụng hạ tầng; huy động vốn đầu tư, ưu đãi đầu tư...

- Thực hiện thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu quốc tế Bờ Y; đề xuất sử dụng nguồn thu phí tại KKTCK quốc tế Bờ Y để đầu tư hạ tầng KKTCK.

2.5. Tập trung phát triển thương mại cửa khẩu.

Kêu gọi đầu tư phát triển đa dạng các lĩnh vực thương mại, dịch vụ cửa khẩu gắn kết với phát triển thị xã Ngọc Hồi tạo thành chuỗi phát triển thương mại dịch vụ. Cụ thể:

- Triển khai thực hiện theo Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam – Lào đến năm 2020 do Bộ Công Thương đã phê duyệt⁽¹⁶⁾; triển khai mô hình chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu kết hợp với mô hình làng nghề tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng thủ công, mỹ nghệ, đồ gia dụng từ nguyên liệu gỗ và lâm sản dưới tán rừng ... để sản xuất, trưng bày, mua bán phục vụ khách tham quan, du lịch và đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu, khảo sát, đầu tư vào KKTCK nhằm thực hiện thỏa thuận hợp tác giữa lãnh đạo tỉnh

¹⁶ Quyết định số 6076/QĐ-BCT ngày 15/10/2012 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam – Lào đến năm 2020.

Kon Tum và thành phố Hồ Chí Minh tháng 12/2015 (khảo sát bố trí khoảng 20 - 30 ha đất để giới thiệu cho các doanh nghiệp TP HCM và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn nghiên cứu đầu tư phát triển trong Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y một Trung tâm Logistics hạng II⁽¹⁷⁾ và đầu tư các dự án khác trong KKTCK).

- Phát triển Cửa hàng miễn thuế tại cửa khẩu quốc tế Bờ Y để phục vụ hành khách xuất cảnh, quá cảnh tại cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

- Tiếp tục nghiên cứu đề xuất hình thành **Khu Thương mại đặc biệt** (Khu phi thuế quan) trong KKTCK quốc tế Bờ Y gồm: Khu I, Khu II, Khu III⁽¹⁸⁾.

2.6. Triển khai phát triển du lịch.

Xây dựng kế hoạch triển khai "**Đề án khai thác du lịch Khu vực cột mốc quốc giới chung ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia**" đã được UBND tỉnh phê duyệt⁽¹⁹⁾ gắn với Đền tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Trường Sơn – tỉnh Kon Tum, Cột Mốc 790, Quốc Môn, Siêu thị miễn thuế, các Trung tâm thương mại, dịch vụ đang được các doanh nghiệp đầu tư; Chợ trong khu kinh tế cửa khẩu kết hợp với mô hình làng nghề tiêu thủ công nghiệp, v.v...

2.7. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, công tác thanh tra, kiểm tra, rà soát đánh giá tình hình chấp hành các qui định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng... kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đảm bảo hoàn thành dự án, công trình và giải ngân theo đúng tiến độ;

2.8. Không tổ chức thi công dự án, công trình khi chưa được bố trí vốn, kiên quyết không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục đề nghị Trung ương xem xét giải quyết các nội dung sau:

- Chưa thu hồi khoản ứng trước NSTW để đầu tư hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y **604,658 tỷ đồng** (đầu tư công trình đường N5 và NT18 – KKTCK quốc tế Bờ Y);

- Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc nguồn NSTW là: **15,967 tỷ đồng** (Công trình Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam -Lào-Campuchia).

- Đề nghị tiếp tục hỗ trợ đầu tư hạ tầng KKT cửa khẩu giai đoạn 2016-2020 cho các dự án đã được tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 (Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng để thu hút đầu tư vào Khu I, II: 120 tỷ đồng và Dự án đường giao thông nối từ đường NT18 ra quốc lộ 40: 220 tỷ)

- Ngoài nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu được cân đối trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Ban quản lý Khu kinh tế kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm cân đối cho KKTCK quốc tế Bờ Y được sử dụng các nguồn vốn khác như: Vốn trái phiếu công trình, vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, vốn hỗ trợ hợp

¹⁷ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch phát triển hệ thống Trung tâm Logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

¹⁴ Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch & Đầu tư nghiên cứu xem xét đề nghị của tỉnh Kon Tum tại Thông báo số 411/TB-VPCP ngày 11/11/2013 của Văn phòng Chính phủ.

¹⁵ Quyết định số 1240/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Kon Tum

tác với Lào và Campuchia và các nguồn vốn ưu đãi khác của nhà nước ... để giúp Khu kinh tế sớm đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu hiện nay.

- Bố trí vốn để triển khai thực hiện dự án: Quốc môn cửa khẩu quốc tế Bờ Y (*công trình đã có chủ trương*): Dự án có Tổng mức đầu tư : **32,9 tỷ đồng**; đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất chủ trương đầu tư⁽²⁰⁾; Nguồn vốn thực hiện: vốn hỗ trợ hợp tác với Lào và Campuchia năm 2015⁽²¹⁾;

- Đề nghị đưa Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y vào danh sách các Khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm để tập trung đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

- Đề nghị Chính phủ Việt Nam, Chính phủ Lào và Chính phủ Campuchia quan tâm phối hợp đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông kết nối trong khu vực tam giác phát triển, đặc biệt là các tuyến giao thông qua các cặp cửa khẩu; đề nghị phía bạn có kế hoạch phát triển khu kinh tế đối diện tương ứng với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y từ đó hình thành khu kinh tế trung của khu vực tam giác.

2. Đề nghị UBND tỉnh bố trí kinh phí thanh toán các khoản nợ đọng XDCB: 15,740 tỷ đồng.

Trên đây là báo cáo đánh kết quả thực hiện Chương trình 29-CTr/TU của Tỉnh ủy từ năm 2012 đến 31/5/2016. Ban quản lý khu kinh tế báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận :

- Văn phòng tỉnh ủy (T/hợp);
- Đoàn giám sát của tỉnh ủy;
- Sở KH và ĐT (T/hợp);
- Lưu: VT, KHTH.

TRƯỜNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
Nguyễn Xuân Phúc
VŨ MẠNH HẢI

⁽²⁰⁾ Thông báo số 98/TB-VPCP ngày 08/3/2013 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Kon Tum.

⁽²¹⁾ Văn bản số 10883/VPCP-QHQT ngày 29/12/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc vốn hỗ trợ hợp tác với Lào và Campuchia năm 2015.

**DANH MỤC CÁC ĐỒ ÁN QUY HOẠCH KHU KINH TẾ CỬA KHẨU
QUỐC TẾ BỜ Y ĐẾN 31/5/2016**

(Kèm theo Báo cáo số 13/BC-BQLKKT ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Ban quản lý Khu kinh tế)

S T T	Danh mục	Quy mô (ha)	Quyết định phê duyệt		Tình hình thực hiện Quy hoạch
			Số	Ngày, tháng, năm	
I	QUY HOẠCH CHUNG				
1	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	70.438	225/QĐ-TTg	08/02/07	Đã phê duyệt
II	QUY HOẠCH PHÂN KHU, CHI TIẾT				
1	Khu đô thị Tây Bờ Y				
	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000	1.078	105/QĐ-BQLKKT	17/04/08	Đã phê duyệt
	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500	546	32/QĐ-UBND	11/01/11	Đã phê duyệt
2	Khu đô thị Nam Bờ Y				
	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000	970	1490/QĐ-UBND	23/12/10	Đã phê duyệt
	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500	340	78/QĐ-UBND	08/02/15	Đã phê duyệt
3	Khu đô thị Bắc Bờ Y				
	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000	1440	1420/QĐ-UBND	30/12/11	Đã phê duyệt
4	Khu trung tâm hành chính				
	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000	450	218/QĐ-BQLKKT	07/12/07	Đã phê duyệt
	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500	450	33/QĐ-UBND	11/01/11	Đã phê duyệt
5	Khu I				
	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000	251	1146/QĐ-UBND	26/10/11	Đã phê duyệt
	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500	200	414/QĐ-UBND	07/05/12	Đã phê duyệt
6	Khu II - III				
	Quy hoạch Phân khu Khu II, III tỉ lệ 1/2000	930	1408/QĐ-UBND	29/12/11	Đã phê duyệt
	Quy hoạch chi tiết Khu II tỉ lệ 1/500	141	1093/QĐ-UBND	02/11/14	Đã phê duyệt
	Quy hoạch chi tiết Khu III tỉ lệ 1/500	241	1092/QĐ-UBND	03/11/14	Đã phê duyệt
7	Khu Trung tâm thương mại quốc tế				
	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000	375	1324/QĐ-UBND	07/12/11	Đã phê duyệt
	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500	270	1400/QĐ-UBND	31/12/14	Đã phê duyệt
8	Khu công nghiệp Bờ Y				
	Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000	1.565	1323/QĐ-UBND	07/12/11	Đã phê duyệt
	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/2000	794			Đang triển khai

Phụ biểu số 2

DANH MỤC DỰ ÁN TRIỂN KHAI TẠI KKTCK QUỐC TẾ BỜ Y

(Kèm theo Báo cáo số 173/BC-BQLKKT ngày 14 tháng 8 năm 2016 của Ban Quản lý Khu Kinh tế)

TT	Danh mục công trình (dự án)	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Nhóm dự án	Quyết định đầu tư hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Triệu)	Tổng mức đầu tư tại thời điểm hiện nay (Triệu đồng)	
	DỰ ÁN ĐÃ ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ CÔNG 2016 - 2020				341.044	341.044		
1	Đường giao thông nối từ NT18 ra quốc lộ 40- Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Điểm đầu giao đường NT18, điểm cuối giao với đường vào KCN	L = 6,2 Km, cấp III	B	Khái toán	220.671	220.671	
2	Đầu tư hạ tầng để thu hút đầu tư vào Khu I, II - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Khu kinh tế		B	Khái toán	120.373	120.373	

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KKT CỦA KHẨU QUỐC TẾ BỜ Y
(Kèm theo Báo cáo số 13/BC-BQLKKT ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Kon Tum)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt DA		Kế hoạch vốn		Giá trị khối lượng hoàn thành/Quyết toán đến 31/03/2016	Số vốn đã thanh toán đến năm 31/3/2016	Giá trị khối lượng còn nợ đến 31/3/2016	Ghi chú
			Số, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đến 2016	Trong đó năm 2016				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
TỔNG CỘNG										
A CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH										
1	Sân nền Khu dân cư I-1	2007-2008	111/QĐ-BQLKKT (27/3/2006)	4.186,39	3.530,39	0,00	3.530,39	3.530,39	0,00	
2	Đường nội bộ Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2003-2008	957/QĐ-UB (19/12/2002)	13.748,52	11.387,21	0,00	11.387,21	11.387,21	0,00	
3	Trụ sở làm việc Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2001-2002	21/QĐ-UB (11/01/2002)	1.433,16	1.358,82	0,00	1.358,82	1.358,82	0,00	
4	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2000-2008	944/QĐ-UB (01/12/2000)	10.145,62	8.773,74	0,00	8.773,74	8.773,74	0,00	
5	Đường NT 18 Khu KTKQT Bờ Y	2007-2010	57/QĐ-BQLKKT (28/04/2007)	484.664,69	483.936,96	6.378	483.936,96	483.936,96	0,00	
6	Đường N5 (đoạn nối từ đường NT18 đến đường HCM) Khu KTKQT Bờ Y	2009-2011	207/QĐ-BQLKKT (06/10/2008)	478.960,47	425.859,74	0,00	425.859,74	425.859,74	0,00	
7	Nâng cấp đoạn đường từ điểm giáp đường nội bộ cửa khẩu quốc tế Bờ Y đến mốc biên giới Việt - Lào	2013-2014	912/QĐ-UBND ngày 02/10/2012	23.959,51	20.348,28	0,00	20.348,28	20.348,28	0,00	
8	Đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh đi xã Đăk Ang	2013-2014	997/QĐ-UBND (29/10/2012) và 182/QĐ-UBND (20/3/2013)	45.404,30	28.937,90	0,00	28.937,90	28.937,90	1.333,09	NSDP
9	Sân nền, kè gia cố kho và bãi đỗ (Kho nhập) Khu I Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2013-2014	183/QĐ-UBND 20/3/2013	11.981,97	9.102,62	0,00	9.102,62	9.102,62	0,00	
10	Nâng cấp đường DI Khu I - Khu TT Khu KTKQT Bờ Y	2008-2011	183/QĐ-BQLKKT (04/12/2009)	16.286,60	13.134,97	0,00	13.134,97	13.134,97	0,00	
11	Khu bảo thuế Khu TT khu KTKQT Bờ Y	2006-2008	177A/QĐ-BQLKKT(03/07/20	17.160,25	5.628,62	0,00	5.628,62	5.628,62	0,00	

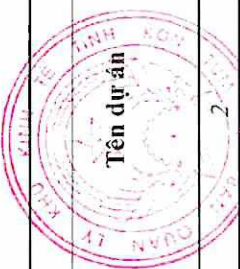
STT	Tên dự án	Thời gian KC-HT	QB phê duyệt DA		Kế hoạch vốn		Giá trị khối lượng hoàn thành/Quyết toán đến 31/03/2016	Số vốn đã thanh toán đến năm 31/3/2016	Giá trị khối lượng còn nợ đến 31/3/2016	Ghi chú
			Số, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đến 2016	Trong đó năm 2016				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Dò tìm, xử lý bom, mìn trên mặt bằng xây dựng Khu trung tâm - KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2003-2008	311/QĐ-UB (31/3/2003)	15.386,84	8.016,19	0,00	8.016,19	8.016,19	0,00	
13	Dò tìm, xử lý bom, mìn trên mặt bằng xây dựng Khu trung tâm - KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y (Giai đoạn 2)	2008	149/QĐ-BQLKKT (14/5/2006)	44.832,28	26.457,64	0,00	26.457,64	26.457,64	0,00	
14	Dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ trên mặt bằng xây dựng Khu trung tâm hành chính Khu kinh tế thuộc Khu đô thị Bắc Bờ Y - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2007-2008	75/QĐ-BQLKKT (31/05/2007)	9.954,75	5.655,00	0,00	5.656,20	5.655,00	1,20	NSDP
15	Dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ trên mặt bằng xây dựng Khu trung tâm giáo dục và Khu công nghiệp vừa và nhỏ thuộc Khu đô thị Bắc Bờ Y - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2007-2008	103/QĐ-BQLKKT (01/07/2007)	15.981,14	9.484,00	0,00	9.486,88	9.484,00	2,88	NSDP
16	Dò tìm, xử lý bom mìn, vật nổ trên mặt bằng xây dựng Khu đô thị Tây Bờ Y - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2008-2009	20/QĐ-BQLKKT (25/01/2008)	31.560,00	16.733,00	0,00	16.777,42	16.733,00	44,42	NSDP
17	Dò tìm, XLBMVN trên mặt bằng XD Kho ngoại quan (KT02) và Kho nhiên liệu (KT03) Khu KTKQT Bờ Y	2008-2009	75/QĐ-BQLKKT (20/03/2008)	8.025,18	4.654,82	0,00	4.654,82	4.654,82	0,00	
18	Dò tìm, XLBMVN trên mặt bằng XD Khu giải trí THQT Khu KTKQT Bờ Y	2007-2008	226/QĐ-BQLKKT (14/12/2007)	8.952,52	6.518,32	0,00	6.518,32	6.518,32	0,00	
19	Dò tìm, xử lý bom, mìn vật nổ trên đất sản xuất nông nghiệp Tây Bắc Bờ Y	2008			5.083,00	0,00	5.083,00	5.083,00	0,00	
20	Điều chỉnh hệ thống kho và bãi đỗ (Kho nhập)	2007	121/QĐ-BQLKKT (01/8/2007)	66.632,22	480,94	0,00	480,94	480,94	0,00	
21	Đường vào Khu dân cư I-1 (Đoạn nối từ đường D1 - D2) Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2014-2015	999/QĐ-UBND 29/10/2012; 802/QĐ-UBND ngày 21/10/2013 (điều chỉnh)	3.697,76	2.192,00	0,00	3.408,82	2.192,00	1.217,50	NSDP
22	Trụ sở làm việc Công ty Đầu tư PTHH khu kinh tế	2012-2013	546/QĐ-UBND, ngày 16/6/2011	4.987	4.595,07	0,00	4.595,07	4.595,07	0,00	

STT	Tên dự án	Thời gian KC-HT	QB phê duyệt DA		Kế hoạch vốn		Giá trị khối lượng hoàn thành/Quyết toán đến 31/03/2016	Số vốn đã thanh toán đến năm 31/3/2016	Giá trị khối lượng còn nợ đến 31/3/2016	Ghi chú
			Số, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đến 2016	Trong đó năm 2016				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
23	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt Khu trung tâm - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2008-2012	1250/QĐ-UBND (15/11/2011)	60.336	56.854,0		56.854,0	56.854,0	0,00	
B	CÁC DỰ ÁN DỪNG, TẠM DỪNG THỰC HIỆN (Đã có chủ trương)			893.464,24	198.665,40	-	200.146,56	198.165,40	1.981,16	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và Tái định cư các làng đồng bào dân tộc	2007	168/QĐ-BQLKKT (20/6/2006)	198.958,00	35.047,22	0,00	35.047,22	35.047,22	0,00	
2	Đường Nội bộ Khu TT Khu KTKQT Bờ Y	2003-2009	1021/QĐ-UB (27/12/2002)	234.507,61	149.500,97	0,00	149.500,97	149.500,97	0,00	
3	Tăng cường năng lực kiểm soát cho trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2009-2010	191/QĐ-BQLKKT (21/12/2009)	10.331,00	2.937,78	0,00	2.937,78	2.937,78	0,00	
4	Lưới điện Khu TT Khu KTKQT Bờ Y	2003-2009	258/QĐ-BQLKKT (15/12/2008)	21.170,63	9.333,10	0,00	9.333,10	9.333,10	0,00	
5	Đường PoKo	2007	160/QĐ-BQLKKT (08/10/2007)	419.808,00	485,94	0,00	485,94	485,94	0,00	Đã chuyển Ban 98
6	Đầu tư xây dựng hệ thống tiêu nước mặt Khu I	2008	240/QĐ-BQLKKT (10/11/2008)	5.725,00	160,39	0,00	160,39	160,39	0,00	
7	Khảo sát thành lập bản đồ địa hình đất sản xuất nông nghiệp Tây Bắc Bờ Y	2008	Số 256/QĐ-BQLKKT ngày 18/12/2008	2.964,00	1.200,00	0,00	1.200,00	700,00	1.981,16	NSDP
C	CÁC DỰ ÁN DỪNG DO CHỦ A CÓ CHỦ TRƯỞNG TRIỂN KHAI CÁC BƯỚC TIẾP THEO			2.287.236,08	38.707,45	-	60.056,25	38.707,45	21.348,80	
1	Đường D4 (Khu đô thị phía Bắc)	2008	532/QĐ-BQLKKT (14/6/2011)	819.888,00	1.650,00	0,00	3.997,03	1.650,00	2.347,03	NSTW
2	Đường N24 (Đường vào khu công nghệ cao)	2008	206/QĐ-BQLKKT (06/10/2008)	73.448,00	685,80	0,00	1.591,18	685,80	905,38	NSTW
3	Đường vào Khu thương mại quốc tế	2008	235/QĐ-BQLKKT (31/10/2008)	590.052,00	1.400,00	0,00	1.805,56	1.400,00	405,56	NSTW
4	Đường N13 (Đoạn Km7+243 đến ngã tư thị trấn Plei Kần) - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2011	462/QĐ-UBND ngày 20/5/2011	490.426,08	0,00	0,00	1.222,70	0,00	1.222,70	NSTW
5	Hệ thống điện chiếu sáng đường NT18 và đường N5 - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2010	535/QĐ-UBND 31/5/2010	42.803,00	0,00	0,00	350,97	0,00	350,97	NSTW

STT	Tên dự án	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt DA		Kế hoạch vốn		Giá trị khối lượng hoàn thành/Quyết toán đến 31/03/2016	Số vốn đã thanh toán đến năm 31/3/2016	Giá trị khối lượng còn nợ đến 31/3/2016	Ghi chú
			Số, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đến 2016	Trong đó năm 2016				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Khu Nghĩa trang Bờ Y	2008	279/QĐ-BQLKKT (31/12/2008)	20.619,00	300,00	0,00	371,05	300,00	71,05	NSTW
7	Đường lên cột mốc biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia	2010-2013	153/QĐ-BQLKKT (11/11/2009)	250.000,00	34.671,65	0,00	50.717,76	34.671,65	16.046,11	NSTW
D	CÁC DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN			188.261,21	95.675,00	0,00	97.968,81	95.645,54	2.522,27	
1	Nâng cấp Đường D7, D9 Khu I - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2014-2015	1000/QĐ-UBND(29/10/2012; 803/QĐ-UBND (21/10/2013 (điều chỉnh lần 1) 1153/QĐ-UBND (30/10/2014 điều chỉnh lần 2)	16.972,47	10.183,00		12.675,81	10.153,54	2.522,27	NSDP
2	Đường giao thông từ Trạm KSLH đến đường NT18 - KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y (giai đoạn 1)	2014-2015	866/QĐ-UBND (30/10/2013)	74.200,00	38.342,00		38.142,00	38.342,00	0,00	
3	Đường D4 thuộc Khu I - KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y (giai đoạn 1)	2014-2015	867/QĐ-UBND (30/10/2013)	27.769,51	27.000,00		27.000,00	27.000,00	0,00	
4	Bãi đỗ xe khu I, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2014-2015	865/QĐ-UBND (30/10/2013)	25.405,00	13.900,00		13.901,00	13.900,00	0,00	Coi như xong
5	Mở rộng đường hai bên trạm kiểm soát liên hợp và nâng cấp đường D2 khu I (đoạn từ đường D1 đến đường vào khu dân cư I-1) khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2015-2016	1087/QĐ-UBND (23/10/2014)	10.167,77	6.100,00		6.100,00	6.100,00	0,00	
6	Quốc môn cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2015	Khải toán	33.746,45	150,00		150,00	150,00	0,00	
E	Tổng chi phí sửa chữa, khác phục giao thông không tính số lượng dự án nhưng tính vào chi phí đầu tư hạ tầng KKTCK quốc tế Bờ Y			11.424	10.916,0	-	10.916	10.916	0,00	

STT	Tên dự án	Thời gian KC-HT	QĐ phê duyệt DA		Kế hoạch vốn		Giá trị khối lượng hoàn thành/Quyết toán đến 31/03/2016	Số vốn đã thanh toán đến năm 31/3/2016	Giá trị khối lượng còn nợ đến 31/3/2016	Ghi chú
			Số, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đến 2016	Trong đó năm 2016				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Sửa chữa Quốc lộ 18B, đoạn qua cột mốc 790 (Việt Nam - Lào)	2011	2230/QĐ-SKHDT, ngày 28/12/2011	883,42	875,78	0,00	876	876	0,00	
2	Thay thế barie, sửa chữa trạm gác biên phòng, chỉnh trang hai đầu trạm KSLH cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2012	1848/QĐ-SKHDT ngày 28/10/2011	906,68	892,39	0,00	892,39	892,39	0,00	
3	Sửa chữa đoạn đường tiếp giáp với đường nội bộ trạm kiểm soát liên hợp giao cắt với đường tuần tra biên giới khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2011	170/QĐ-UBND, ngày 28/02/2011	1.447,10	1.365,16	0,00	1.365	1.365	0,00	
4	Khắc phục đường hư hỏng do bão số 9 - cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2012	229/QĐ-UBND, ngày 22/03/2012	3.015,83	2.684,14	0,00	2.684	2.684	0,00	
5	Khắc phục sạt lở vị trí Km9+300 đường NT18 do ảnh hưởng của mưa bão số 4 năm 2012	2012		1.214,23	1.214,23	0,00	1.214	1.214	0,00	
6	Khắc phục hư hỏng hệ thống đường giao thông do ảnh hưởng mưa lũ năm 2013 tại Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y (Đối với các hạng mục thuộc nhóm cấp bách)	2013		949,00	949,00	0,00	949	949	0,00	
7	Sửa chữa hệ thống thoát nước, tạm đôn hệ thống cống rãnh kỹ thuật, vữa bê tông xi măng, bó vữa lè đường dọc tuyến đường DI - Khu I, trục đường chính khu I và trục đường chính khu III - Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y	2013	2276/QĐ-SKHDT, ngày 12/12/2013	607,91	535,30	0,00	535	535	0,00	
8	Khắc phục hư hỏng đường giao thông NT18 và đường N5 do ảnh hưởng bão lũ số 8,9,11 năm 2013 và mùa mưa năm 2014 tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (đối với hạng mục công trình không thuộc nhóm cấp bách thực hiện năm 2015) - Hạng mục: Khắc phục sạt trượt bên trái tuyến đoạn Km0+555 đến Km0+645 đường N5 và khắc phục hư hỏng tại 02 vị trí đường NT 18 trên khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.	2014		1.200,00	1.200,00	-	1.200,00	1.200,00	0,00	

STT	Tên dự án	Thời gian KC-HT	QB phê duyệt DA		Kế hoạch vốn		Giá trị khối lượng hoàn thành/Quyết toán đến 31/03/2016	Số vốn đã thanh toán đến năm 31/3/2016	Giá trị khối lượng còn nợ đến 31/3/2016	Ghi chú
			Số, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư	Lũy kế đến 2016	Trong đó năm 2016				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Khắc phục hư hỏng đường giao thông NT18 và đường N5 do ảnh hưởng bảo lũ số 8,9,11 năm 2013 và mùa mưa năm 2014 tại khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (đối với phần việc cấp bách cần triển khai khắc phục ngay).	2015		1.200,00	1.200,00	-	1.200,00	1.200,00	0,00	



TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG KHU KINH TẾ CỬA KHẨU QUỐC TẾ BỜ Y ĐẾN 31/5/2016

(Kèm theo Báo cáo số 173/BC-BQLKKT ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Ban quản lý Khu kinh tế)

STT	Tên doanh nghiệp/dự án	Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính/mã ngành; Tên dự án	Vị trí, Lô quy hoạch dự án	Diện tích đất (ha)	Vốn đầu tư vào KKT (Tỷ đồng)		Ghi chú
					Đăng ký	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Các doanh nghiệp/ Dự án đang hoạt động	25DN/26 Dự án		43,99	479,67	468,88	
1	Công ty vật liệu xây dựng và xây lắp thương mại BMC	Khách sạn BMC	Thị trấn Pleikân		50,00	50,00	
2	Công ty Tinh bột sản FOCOCEV (chuyển nhượng từ Cty vật liệu và xây lắp thương mại BMC)	Nhà máy sx tinh bột sắn	T. Nông Nhảy	35,50	79,20	79,20	
3	Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Thành Ngọc	Khai thác mỏ đá xây dựng	Khu II	2,50	3,50	3,50	
4	Chi nhánh DNTN Hoàng Quân (Chuyển nhượng từ Cty CP Đầu tư và xây dựng 515.9)	Khai thác mỏ đá xây dựng	T. Nông Nhảy	5,90	3,18	3,18	
5	Công ty TNHH Đổi Mới	Khai thác đá lộ thiên	T. Nông Nhảy	10,00	45,00	45,00	
6	Công ty TNHH MTV Thuận Lợi	Nhà máy chế biến mùn cao su	KT 05 QHC	4,94	50,00	50,00	
7	Hợp tác xã Vạn Thành	Khai thác mỏ đá xây dựng thông thường	T. Nông Nhảy	10,00	16,00	16,00	
8	Công ty TNHH Tân Tân Phú (Công ty TNHH Minh Trung đổi tên)	Xưởng chế biến gỗ	Khu II	0,84	3,00	3,00	
9	Công ty TNHH MTV Mạnh Cường	Nhà nghỉ- Khách sạn	Khu I	0,17	0,50	0,80	

STT	Tên doanh nghiệp/dự án	Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính/mã ngành; Tên dự án	Vị trí, Lô quy hoạch dự án	Diện tích đất (ha)	Vốn đầu tư vào KKT (Tỷ đồng)		Ghi chú
					Đăng ký	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8
10	Công ty 732	Nhà máy chế biến mũ cao su	Saloong		80,00	79,70	
11	Công ty Cao su Kon Tum	Nhà máy chế biến mũ cao su	T. Nông Nhảy		100,00	100,00	
12	Công ty XSCT tỉnh Kon Tum	Khách sạn SXKT 30 phòng	TT Plei kân		8,00	8,00	
13	Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Cây xăng dầu	Khu I	1,40	2,50	2,50	
14	Doanh nghiệp tư nhân Hương Sơn	Cây xăng dầu	Khu III		2,00	2,00	
15	Bưu điện tỉnh Kon Tum	Cây xăng dầu	Khu TTTHC		3,00	3,00	
16	TT Viễn thông Điện lực Tây Nguyên (EVN)	Bưu điện	Khu I	0,25	-	-	
17	Công ty viễn thông Viettel (76B Nguyễn Đình Chiểu, TP Kon Tum)	Trạm phát sóng	Khu III	0,25	-	-	
18	Công ty cp Việt Lào	Trạm phát sóng	Khu III		-	-	
19	Công ty TNHH MTV Thiện Chí Kon Tum (40 Lê Hồng Phong, KT 01674 171000)	Khai thác khoáng sản	Xã Bờ Y	1,74	1,50	5,00	
20	Cty TNHH Nhân Thành -10B (chuyển nhượng từ Cty Nhân Thành Bờ Y)	Xây dựng xưởng chế biến lâm sản	CN4, CN5 Khu II	1,74	20,99	13,00	
21	Công ty Nhân Thành Lộc Phát (Nhận chuyển nhượng từ Cty Nhân Thành Bờ Y)	Xây dựng Kho ngoại quan (kho xuất)	Khu I	1,10	5,83	5,00	
22	Viễn thông Kon Tum (72 Lê Hồng Hồng Phong, Tp Kon Tum, 0603 862613)	Cửa hàng xăng dầu	Khu I	0,29	3,47	-	
22	Viễn thông Kon Tum (72 Lê Hồng Hồng Phong, Tp Kon Tum, 0603 862613)	Đài viễn thông CKBY	Khu I Q6	2,34	2,00	-	

STT	Tên doanh nghiệp/dự án	Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính/mã ngành; Tên dự án	Vị trí, Lô quy hoạch dự án	Diện tích đất (ha)	Vốn đầu tư vào KKT (Tỷ đồng)		Ghi chú
					Đăng ký	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8
23	Công ty cổ phần 515.9	VP đại diện	Khu I	0,08			Ngưng HD
24	C.ty Bảo Việt Kon Tum	VP giao dịch	Khu III	0,05			Ngưng HD
25	Công ty cổ phần công trình 6 (Tổ 36, Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà nội 0438835681)	Văn phòng làm việc	DN4, Khu II	2,90			Ngưng HD
II	Các doanh nghiệp/ Dự án đang triển khai	13DN/16 dự án		51,99	869,74	66,31	
1	Công ty cổ phần khoáng sản Sài Gòn Bờ Y	Khai thác mỏ đá xây dựng	Thôn Chả nội, Đăk Nông	10,00	35,38	14,25	
2	Công ty 515.9	Nhà xưởng BTTT	Khu II	2,00	-	-	
3	Công ty cổ phần Đăk RiPen (đường Phạm Hồng Thái, Khối 5, Thị trấn Đăk Tô, tỉnh Kon Tum)	Khách sạn và các công trình phụ trợ	TM20; CD5; CD6 Khu I	2,30	38,60	3,30	
4	Lê Thị Hồng Khuyên (Thôn Ilec, xã Bờ Y, Ngọc Hồi, Kon Tum 0955966869)	Trung tâm Thương mại Hồng Khuyên	Khu I, Q2	3,12	14,90	5,00	

STT	Tên doanh nghiệp/dự án	Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính/mã ngành; Tên dự án	Vị trí, Lô quy hoạch dự án	Diện tích đất (ha)	Vốn đầu tư vào KKT (Tỷ đồng)		Ghi chú
					Đăng ký	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Hoàng Anh Gia Lai (đ/c: Số 15, Trường Chinh, TP. Pleiku, Tỉnh Gia lai. ĐT: 0963147691)	Kho chứa hàng	Khu I, TH1, CC4, CX8	2,02	55,90	1,50	
6	Công ty cổ phần Dương Minh Châu (09 Hoàng Hoa Thám, Q.Ba Đình, HN)	Văn phòng làm việc kết hợp dịch vụ thương mại	Khu III, TM5, TM6, DN14	1,12	123,40		
7	Cty TNHH MTV Tân Tân Phú KT (59 - Hai Bà Trưng - PleiKàn - Ngọc Hồi)	Khách sạn và dịch vụ	Khu III, TM7	3,98	129,50	1,26	
8	Công ty TNHH Nhân Thành -10B (Khu I, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, Kon Tum 097 3262568)	Nhà hàng, khách sạn kết hợp công viên nước Xây dựng nhà nghỉ Thương mại, Kiot Đầu tư xây dựng kinh doanh thương mại và Dịch vụ cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Khu I, TM 19, CX 14 Đầu Đường N5 CX12 Lô TM11	11,37 0,46 1,70 3,80	52,63 8,83 20,50 66,16	- 2,00 12,00 6,00	

STT	Tên doanh nghiệp/dự án	Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính/mã ngành; Tên dự án	Vị trí, Lô quy hoạch dự án	Diện tích đất (ha)	Vốn đầu tư vào KKT (Tỷ đồng)		Ghi chú
					Đăng ký	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8
9	Công ty TNHH MTV XNK Quốc Đạt (Tổ dân phố 6, TT Plei Kần, Ngọc Hồi)	TT dạy nghề cho người khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam và trẻ em lang thang cơ nhỡ	Lô CX37; QHC	4,38	250,00	5,90	
10	Công ty TNHH MTV Tuấn Sỹ	Xưởng sản xuất chế biến gỗ	Lô CN13-1; CN14-1; Khu II	0,60	10,20	2,00	
11	Cty TNHH Minh Ngọc Bờ Y (Khu II, KKT CKQTBY, xã Bờ Y, Ngọc Hồi, Tỉnh Kon Tum)	Đầu tư xây dựng nhà xưởng chế biến nông lâm sản	CN15, Khu II	1,13	6,77	3,50	
12	Công ty TNHH MTV Hải Dương Bờ Y (Khu I, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, Kon Tum 0905 478368)	Đầu tư xây dựng Văn phòng làm việc kết hợp trưng bày giới thiệu SP	Lô CQ2	0,09	5,40	0,50	
13	Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (15 Trường Chinh, P. Phú Đông, Tp PleiKu, tỉnh Gia Lai - 0593920228)	Kho ngoại quan (Kho nhập)	Lô KH2; Khu I	3,91	51,56	9,10	
III	Các doanh nghiệp/Dự án giới thiệu đất	II D N/12 dự án		8,97	109,20	-	
1	DNTN Xuân Trinh (284 Trường Chinh, P. Duy Tân, Tp Kon Tum)	Khách sạn, Nhà hàng	TM14, Khu I	0,11	20,00		
2	DNTN Giang Nam (252-Trường Chinh-Duy Tân-KonTum, 0935.850224)	Khách sạn, Nhà hàng	CC8 Khu I	0,09	20,00		

STT	Tên doanh nghiệp/dự án	Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính/mã ngành; Tên dự án	Vị trí, Lô quy hoạch dự án	Diện tích đất (ha)	Vốn đầu tư vào KKT (Tỷ đồng)		Ghi chú
					Đăng ký	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8
3	Cty TNHH MTV Thiện Chí Kon Tum (Khu II, Khu kinh tế)	Khách sạn, Nhà hàng	TM19, Khu II	2,22	56,00		
4	Cty TNHH MTV Mạnh Cường (Tổ dân phố 4, TT Pleikân, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum)	Đầu tư xây dựng nhà xưởng chế biến nông lâm khoáng sản	CN18, Khu I, Khu II	0,71	9,80		
5	Công ty TNHH TM & VT Văn Quân (116 Hai Bà Trưng, Pleikan, Kon Tum 0968582227)	Xưởng sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ	Lô CN1-3; Khu III	0,19	-		
6	Công ty cổ phần Nhân Thành Bờ Y	Dịch vụ ăn uống, siêu thị, nhà nghỉ, nhà bảo dưỡng xe	Lô GT5, Khu I	1,38	-		
7	Công ty TNHH MTV Bảo Long Ngọc Hồi	Công trình thương mại dịch vụ	TM 22 (CQ2)	2,00			
8	Công ty TNHH TM và Vận tải ô tô Quốc Huy	Công trình thương mại dịch vụ	TM 22 (CQ2)	2,00			
9	Công ty TNHH MTV Mười Hiệp Phát (Thôn Ngọc Hải, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi; 0979742632) Chuyển từ Công ty Chi nhánh Cty TNHH KHKT-CN Hoàng Hiệp và Doanh nghiệp tư nhân Cúc Phương - Chi nhánh Kon Tum	Trụ sở làm việc và cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại Khu kinh tế CKQT Bờ Y	Lô CQ8; Khu I				
10	Công ty TNHH MTV Văn Vương Ngọc Hồi Khu I, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, Ktum	Văn phòng làm việc	Lô CQ13; Khu I	0,14	2,90	0,50	

STT	Tên doanh nghiệp/dự án	Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính/mã ngành; Tên dự án	Vị trí, Lô quy hoạch dự án	Diện tích đất (ha)	Vốn đầu tư vào KKT (Tỷ đồng)		Ghi chú
					Đăng ký	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8
11	Công ty THNN MTV Diệp Bảo Kon Tum	Văn phòng làm việc	Lô CQ11-1 Khu I	0,14	0,50		
	Tổng cộng	49DN/54 dự án		104,95	1.459	535,2	